SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP

Số: 471 /QĐ-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kiến Đức, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đăk R'lấp.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế về việc Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 285/KH-TTYT ngày 09/09/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'Lấp về việc mua thuốc bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Khu vực Đắk R'lấp;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-TTYT ngày 10/09/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp về việc Phê duyệt dự toán gói thầu: Mua thuốc bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Khu vực Đắk R'lấp;

Theo đề nghị của phụ trách khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế tại Tờ trình số 80/TTr-KD-VT,TBYT ngày 11/09/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc: Mua thuốc bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Khu vực Đắk R'lấp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Khu vực Đắk R'lấp với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Lưu: VT, KD-VT, TBYT (Ds.Thuy).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP

Trương Đức Minh

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
15/09/2026 08:56:34

Phụ lục I

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp

(Kèm theo Quyết định số: 471 /QĐ-TTYT ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
1.	Mua thuốc bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp	1.818.105.950	Nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý III/2026	Đơn giá cố định	09 tháng	Không áp dụng
	Tổng giá gói thầu:	**1.818.105.950**								

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
15/09/2026 08:57:33

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số: 471 /QĐ-TTYT ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế Khu vực Đăk R'lấp)

STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi Chú
1	Cồn 70º	804,3ml/1000ml	Dùng ngoài	Nhóm 4	Chai	1.000	20.645	20.645.000	
2	Dexamethason phosphat (dưới dạng Dexamethason natri phosphat)	4mg/1ml	Tiêm	Nhóm 4	Ống	2.000	668	1.336.000	
3	Diphenhydramin	10mg/ml	Tiêm	Nhóm 4	Ống	1.000	650	650.000	
4	Gelatin succinyl + natri clorid + natri hydroxyd	20g+ 3,505g+ 0,68g/500ml	Tiêm truyền	Nhóm 5	Chai	10	116.000	1.160.000	
5	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	400UI/ 10ml	Tiêm	Nhóm 5	Lọ	100	91.000	9.100.000	
6	Kali clorid	500mg	Uống	Nhóm 4	Viên	5.000	895	4.475.000	
7	Levofloxacin	750mg/ 150ml	Truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Túi	600	250.000	150.000.000	
8	Misoprostol	200mcg	Uống	Nhóm 4	Viên	1.000	3.950	3.950.000	

STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi Chú
9	Morphin hydroclorid 10mg/ml	10mg/ 1ml	Tiêm	Nhóm 4	Ống	2.500	8.925	22.312.500	
10	Erythropoietin	4000 IU/1ml	Tiêm	Nhóm 4	Lọ	1.000	280.000	280.000.000	
11	Natri clorid	0,9g/100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 4	Chai	5.000	5.250	26.250.000	
12	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	4,2%; 250ml	Tiêm truyền	Nhóm 1	Chai	60	96.900	5.814.000	
13	Paracetamol (acetaminophen)	500mg/ 50ml	Tiêm truyền	Nhóm 4	Chai/túi	5.000	9.450	47.250.000	
14	Rocuronium bromid	50mg/5ml	Tiêm	Nhóm 4	Ống	150	45.000	6.750.000	
15	Thiamin hydroclorid	100mg/1ml	Tiêm	Nhóm 4	Ống	1.000	650	650.000	
16	Pethidin	100mg/2ml	Tiêm	Nhóm 1	Ống	300	32.991	9.897.300	
17	Sevofluran	100%; 250ml	Dạng hít	Nhóm 1	Chai	15	1.537.200	23.058.000	
18	Papaverin hydroclorid	40mg/2ml	Tiêm	Nhóm 4	Ống	3.000	2.000	6.000.000	
19	Propofol	10mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền	Nhóm 1	Ống	400	81.900	32.760.000	

STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi Chú
20	Lidocain (hydroclorid)	2%, 2ml	Tiêm bắp - tiêm tĩnh mạch- Tiêm dưới da	Nhóm 4	Ống	2.500	500	1.250.000	
21	Nước cất pha tiêm	10ml	Dung môi pha tiêm	Nhóm 4	Ống	20.000	690	13.800.000	
22	Mannitol	20g/100ml; 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 4	Chai	20	21.000	420.000	
23	Methyldopa	250mg	Uống	Nhóm 4	Viên	7.500	777	5.827.500	
24	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	20mg	Uống	Nhóm 4	Viên	30.000	1.386	41.580.000	
25	Cetirizin	10mg	Uống	Nhóm 1	Viên	55.000	4.000	220.000.000	
26	Phenobarbital	100mg	Viên	Nhóm 4	Viên	30.000	315	9.450.000	
27	Silymarin	200 mg	Uống	Nhóm 4	Viên	20.000	3.750	75.000.000	
28	Diclofenac Natri	50mg	Uống	Nhóm 4	Viên	30.000	75	2.250.000	
29	Aciclovir	200mg	Uống	Nhóm 4	Viên	7.000	390	2.730.000	
30	Digoxin	0,25mg	Uống	Nhóm 4	Viên	2.300	650	1.495.000	

STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi Chú
31	Vitamin H (B8)	10mg	Uống	Nhóm 4	Viên	3.000	3.900	11.700.000	
32	Acitretin	25mg	Uống	Nhóm 4	Viên	500	17.000	8.500.000	
33	Alfuzosin	10mg	Uống	Nhóm 2	Viên	30.000	6.000	180.000.000	
34	Alpha chymotrypsin	4200UI	Uống	Nhóm 4	Viên	10.000	700	7.000.000	
35	Bromhexin (hydroclorid)	16mg	Uống	Nhóm 4	Viên	30.000	630	18.900.000	
36	Glucosamin	500mg	Uống	Nhóm 4	Viên	20.000	315	6.300.000	
37	Tetracain	50mg/10ml	Nhỏ mắt	Nhóm 4	Chai/lọ/ống	30	15.015	450.450	
38	Enalapril	5mg	Uống	Nhóm 3	Viên	50.000	749	37.450.000	
39	Mecobalamin	1500mcg	Uống	Nhóm 2	Viên	10.000	6.100	61.000.000	
40	Mupirocin	100mg/5g	Dùng ngoài	Nhóm 2	Tuýp	500	35.500	17.750.000	
41	Rifampicin + Isoniazid + Pyrazinamid	150mg +75mg + 400 mg	Uống	Nhóm 3	Viên	9.000	2.798	25.182.000	
42	Mepivacain hydroclorid	54mg/1,8ml	tiêm	Nhóm 1	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	300	16.094	4.828.200	

STT	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi Chú
43	Aciclovir	5% 5g	Dùng ngoài	Nhóm 4	Tuýp	100	3.850	385.000	
44	Allopurinol	300mg	Uống	Nhóm 4	Viên	40.000	420	16.800.000	
45	Insulin Glargine	300IU/3ml	Tiêm	Nhóm 5	Bút tiêm	1.800	220.000	396.000.000	
	Tổng cộng: 45 khoản							**1.818.105.950**	